

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 273/2025/BBKP/ĐHĐCĐ-UNI

TP HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN

KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“Điều lệ”);
- Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ/HĐQT-UNI của Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 03/03/2025 về việc “Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn thông qua các nội dung thuộc Tờ trình số 33/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025”;
- Căn cứ Nghị quyết số 173A/2025/NQ/HĐQT-UNI của HĐQT ngày 17/03/2025 về việc “Thành lập Tổ giúp việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua các nội dung thuộc Tờ trình số 33/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025”

Hôm nay, vào lúc 17 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“Công ty”), địa chỉ: A3.04A12 Chung cư The GoldView, 346 Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản “Thông qua các nội dung thuộc Tờ trình số 33/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025” với các nội dung như sau:

I. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU

- Bà Phan Hồng Mỹ Phương : Chủ tịch HĐQT
- Bà Vũ Thị Như Mai : Tổng giám đốc – kiêm Thành viên HĐQT



- Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh : Thành viên HĐQT

Với sự chứng kiến của:

- Bà Trần Thị Thanh Loan : Trưởng ban kiểm soát
- Bà Hoàng Thị Nhung : Thành viên ban kiểm soát
- Bà Vũ Thanh Thủy : Thành viên ban kiểm soát

II. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN

Thông qua các nội dung thuộc Tờ trình số 33/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025 ngày 3/3/2025, cụ thể:

- **Vấn đề 1:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt. (chi tiết kèm tờ trình số 33A/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025)
- **Vấn đề 2:** Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam. (chi tiết kèm tờ trình số 33B/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025)
- **Vấn đề 3:** Thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”). (chi tiết kèm tờ trình số 33C/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025)

III. CÔNG TÁC KIỂM PHIẾU

1. Cách thức kiểm phiếu

- Phiếu lấy ý kiến hợp lệ là phiếu chỉ đánh dấu (x) vào 1 ô trong 3 ô là Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến
- Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - Không có chữ ký (Nếu Cổ đông là cá nhân); Không có chữ ký của người đại diện pháp luật và đóng dấu (Nếu Cổ đông là tổ chức);
 - Gửi về Công ty trễ thời gian quy định;

- Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu ngoài những nội dung đã được quy định hoặc sửa đổi, bổ sung thêm những nội dung đã được HĐQT phê duyệt;
 - Phiếu lấy ý kiến không phải của Công ty ban hành
- Phiếu lấy ý kiến không tham gia biểu quyết là phiếu lấy ý kiến không gửi về trụ sở Công ty trong thời gian quy định
 - Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2. Công tác kiểm phiếu

- Ngày chốt danh sách để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: 13/03/2025
- Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách: 3.937 cổ đông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1 cổ phần tương đương 1 quyền biểu quyết
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 15.617.632 cổ phần tương ứng với 15.617.632 quyền biểu quyết
- Tổng số phiếu lấy ý kiến phát ra: 3.937 phiếu, tương ứng 15.617.632 quyền biểu quyết
- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 10 phiếu, tương ứng 9.770.881 quyền biểu quyết trong đó:
 - Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 10 phiếu, tương ứng 9.770.881 quyền biểu quyết
 - Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0 quyền biểu quyết
 - Số phiếu không tham gia biểu quyết: 0 phiếu, tương ứng 0 quyền biểu quyết

012
3 TY
HÂN
PHÁT T
VI VII
HỒ C

3. Kết quả kiểm phiếu

Vấn đề lấy ý kiến	Nội dung	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)
– Vấn đề 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt. (Chi tiết theo tờ trình số 33A/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025)	Phiếu biểu quyết “Tán thành”	10	9.770.881	62,563%
	Phiếu biểu quyết “Không tán thành”	0	0	0%
	Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	0	0	0%
– Vấn đề 2: Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam. (chi tiết theo tờ trình số 33B/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025)	Phiếu biểu quyết “Tán thành”	8	9.754.981	62,461%
	Phiếu biểu quyết “Không tán thành”	0	0	0%
	Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	2	15.900	0,102%
– Vấn đề 3: Thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“ VPBank”). (Chi tiết theo tờ trình số 33C/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025)	Phiếu biểu quyết “Tán thành”	8	9.754.981	62,461%
	Phiếu biểu quyết “Không tán thành”	0	0	0%
	Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	2	15.900	0,102%

Như vậy:

- Tổng số phiếu biểu quyết “Tán thành” thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt. (Chi tiết theo tờ trình số 33A/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025) là 10 phiếu, tương ứng 9.770.881 cổ phần, chiếm 62,563% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết “Tán thành” thông qua chủ trương hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam. (chi tiết theo tờ trình số 33B/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025) là 8 phiếu, tương ứng 9.754.981 cổ phần, chiếm 62,461% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết “Tán thành” thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”). (Chi tiết theo tờ trình số 33C/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025) là 8 phiếu, tương ứng 9.754.981 cổ phần, chiếm 62,461% số cổ phần có quyền biểu quyết.

IV. QUYẾT ĐỊNH THÔNG QUA CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Biên bản được lập vào lúc 18h00 ngày 27/03/2025 ngay sau khi kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Các Quyết định nêu trên được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ THỊ NHƯ MAI



NGUYỄN THỊ LỆ THANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



TRẦN THỊ THANH LOAN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



HOÀNG THỊ NHUNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



VŨ THANH THỦY



Số: 273A/2025/NQ/ĐHĐCĐ-UNI

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt ("Công Ty");
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 273/2025/BBKP/ĐHĐCĐ-UNI ngày 27/03/2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt. (chi tiết kèm tờ trình số 33A/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025). Thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ (đính kèm Dự thảo Điều lệ).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG

Số: 273B/2025/NQ/ĐHĐCĐ-UNI

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt ("**Công Ty**");
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 273/2025/BBKP/ĐHĐCĐ-UNI ngày 27/03/2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam, cụ thể:

1. Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án mà UNI hợp tác với Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu để thực hiện góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp, mua lại Công ty, liên danh, hợp tác, ... để thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản theo lĩnh vực đã đăng ký theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ tham gia góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp: toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong

- phạm vi do pháp luật quy định.
3. Giá mua: Theo thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan.
 4. Giá trị giao dịch, giá trị đầu tư, góp vốn, hợp tác, ... từ 35% trở lên so với tổng tài sản của UNI ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
 5. Giao/ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện việc hợp tác với Công ty Kyoritsu để thực hiện góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp, mua lại Công ty, liên danh, hợp tác, ... để thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản. Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên gần nhất. Hội đồng quản trị được toàn quyền thỏa thuận với các bên liên quan, làm việc, trao đổi, thống nhất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến toàn bộ giao dịch hợp tác với Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu.
 6. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, cá nhân khác trong Công ty để thực hiện các công việc nêu trên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG

Số: 273C/2025/NQ/ĐHĐCĐ-UNI

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt ("**Công Ty**");
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 273/2025/BBKP/ĐHĐCĐ-UNI ngày 27/03/2025;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank"), cụ thể:

1. Dùng tài sản là một phần/toàn bộ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 357099, số vào sổ cấp GCN CT22992 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/04/2022 tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thuộc sở hữu của Công ty Sao Mai Việt để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ vay của Công ty Kyoritsu tại VPBank.
- Hạn mức đảm bảo tối đa: 250.000.000.000 đồng

- Mục đích đảm bảo khoản vay: Xây dựng Dự án Văn phòng làm việc kết hợp căn hộ du lịch – The One Tower
 - Thời hạn đảm bảo tối đa: 60 tháng
 - Tài Sản Bảo Đảm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 357099, sổ vào sổ cấp GCN CT22992 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/04/2022.
2. Giao/ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện thỏa thuận, trao đổi, đàm phán, quyết định các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm như quyền và nghĩa vụ với các bên, số tiền bảo đảm, phạm vi bảo đảm, thời hạn bảo đảm, trường hợp và phương thức xử lý tài sản thế chấp, phương thức giải quyết tranh chấp, ... thực hiện các thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm với Công ty Kyoritsu, Ngân hàng VPBank và các tổ chức cá nhân có liên quan. Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên gần nhất. Hội đồng quản trị được toàn quyền thỏa thuận với các bên liên quan, làm việc, trao đổi, thống nhất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến toàn bộ giao dịch bảo đảm cho Công ty Kyoritsu tại Ngân hàng VPBank theo đúng quy định.
3. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Tổng giám đốc – đại diện pháp luật, cá nhân khác trong Công ty để thực hiện các công việc nêu trên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



TỜ TRÌNH
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

(V/v thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, hợp tác đầu tư, sử dụng tài sản để
đảm bảo vay vốn cho bên thứ ba)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

**Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“Công Ty Sao Mai
Việt” hoặc “ Công ty” hoặc “UNI”)**

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và cho ý kiến thông qua các vấn đề sau:

Vấn đề 1: Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều Lệ Công ty Sao Mai Việt (chi tiết kèm tờ trình số 33A/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025).

Vấn đề 2: Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam. (chi tiết kèm tờ trình số

33B/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025).

Vấn đề 3: Thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”). (chi tiết kèm tờ trình số 33C/2025/TTr-HĐQT ngày 3/3/2025).

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG

TỜ TRÌNH
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VĂN BẢN
(V/v thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“Công Ty Sao Mai Việt” hoặc “ Công ty” hoặc “UNI”)

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và cho ý kiến thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều Lệ Công ty Sao Mai Việt.

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị đã rà soát Điều lệ hiện hành. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ như bản Dự thảo điều lệ đính kèm. (Tài liệu đính kèm: Dự thảo Điều lệ).

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG

TỜ TRÌNH
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

(V/v thông qua việc hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“Công Ty Sao Mai Việt” hoặc “ Công ty” hoặc “UNI”)

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“**DHĐCĐ**”) xem xét và cho ý kiến thông qua các vấn đề sau:

Thông qua chủ trương hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt với Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam.

Trên cơ sở, Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam (“ **Công ty Kyoritsu**”), Công ty Kyoritsu là chủ đầu tư hợp pháp của Dự án Văn phòng làm việc kết hợp căn hộ du lịch – The One Tower tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 4, đường 2/9, phường Bình Hiên,



quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (“**Dự Án**”) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V571610, do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/10/2002. Quy mô: 1.853,25 m², Dự án gồm khối công trình cao 25 tầng + 03 tầng hầm.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án mà UNI hợp tác với Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu để thực hiện góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp, mua lại Công ty, liên danh, hợp tác, ... để thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản theo lĩnh vực đã đăng ký theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ tham gia góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp: toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi do pháp luật quy định.
3. Giá mua: Theo thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan.
4. Giá trị giao dịch, giá trị đầu tư, góp vốn, hợp tác, ... từ 35% trở lên so với tổng tài sản của UNI ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
5. Giao/ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện việc hợp tác với Công ty Kyoritsu để thực hiện góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp, mua lại Công ty, liên danh, hợp tác, ... để thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản. Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên gần nhất. Hội đồng quản trị được toàn quyền thỏa thuận với các bên liên quan, làm việc, trao đổi, thống nhất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến toàn bộ giao dịch hợp tác với Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu.
6. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, cá nhân khác trong Công ty để thực hiện các công việc nêu trên.

HDQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG



TỜ TRÌNH
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

(V/v thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo khoản vay vốn Công ty TNHH
Kyoritsu Maintenance Việt Nam)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

**Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“Công Ty Sao Mai
Việt” hoặc “ Công ty” hoặc “UNI”)**

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và cho ý kiến thông qua các vấn đề sau:

Thông qua việc sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”).

Trên cơ sở, Công ty TNHH Kyoritsu Maintenance Việt Nam có đại diện pháp luật là bà Vũ Thị Như Mai đồng thời là đại diện theo pháp luật của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt.

Theo quy định của pháp luật tại: (i) khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14



ngày 26/11/2019 và (ii) điểm d khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 thì Công ty Sao Mai Việt và Công ty Kyoritsu có quan hệ liên quan. Do đó, trong quá trình hợp tác với Công ty Kyoritsu và/ hoặc Công ty mẹ, Công ty liên kết của Công ty Kyoritsu để thực hiện góp vốn/ mua cổ phần/ mua lại phần vốn góp, mua lại Công ty, liên danh, hợp tác, ... để thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản trong đó có việc đầu tư, xây dựng, thu xếp vốn, sử dụng tài sản đảm bảo, thực hiện các nghĩa vụ bảo lãnh phát triển và kinh doanh thì phải thông qua Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật hiện hành.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc Công ty Sao Mai Việt sử dụng tài sản để đảm bảo cho Công ty Kyoritsu vay vốn tại Ngân hàng VPBank, cụ thể:

Dùng tài sản là một phần/toàn bộ Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 357099, số vào sổ cấp GCN CT22992 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/04/2022 tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thuộc sở hữu của Công ty Sao Mai Việt để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ vay của Công ty Kyoritsu tại VPBank.

- Hạn mức đảm bảo tối đa: 250.000.000.000 đồng
- Mục đích đảm bảo khoản vay: Xây dựng Dự án Văn phòng làm việc kết hợp căn hộ du lịch – The One Tower
- Thời hạn đảm bảo tối đa: 60 tháng
- Tài Sản Bảo Đảm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 357099, số vào sổ cấp GCN CT22992 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/04/2022.

2. Giao/ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện thỏa thuận, trao đổi, đàm phán, quyết định các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm như quyền và nghĩa vụ với các bên, số tiền bảo đảm, phạm vi bảo đảm, thời hạn bảo đảm, trường hợp và phương thức xử lý tài sản thế chấp, phương thức giải quyết tranh chấp, ... thực hiện các thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm với Công ty Kyoritsu, Ngân hàng VPBank và các tổ chức cá nhân có liên quan. Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên gần nhất. Hội đồng quản trị được toàn quyền thỏa thuận với các bên liên quan, làm việc, trao đổi, thống nhất với các cơ quan nhà nước có thẩm

quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến toàn bộ giao dịch đảm bảo cho Công ty Kyoritsu tại Ngân hàng VPBank theo đúng quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Tổng giám đốc – đại diện pháp luật, cá nhân khác trong Công ty để thực hiện các công việc nêu trên.

HDQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



PHAN HỒNG MỸ PHƯƠNG



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT
(Sửa đổi tháng 03/ 2025)

TP.Hồ Chí Minh, Tháng 03 năm 2025



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG II.....	2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công Ty	2
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty	3
CHƯƠNG III	4
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
CHƯƠNG IV.	6
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông Sáng Lập	6
Điều 7. Chứng nhận Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông	7
Điều 8. Chứng chỉ Chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thanh toán cổ phần	9
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông	10
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty	10
Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	11
CHƯƠNG V.....	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát của Công Ty	11
CHƯƠNG VI.	12
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	12
Điều 15. Quyền của Cổ Đông Phổ Thông	12
Điều 16. Nghĩa vụ của Cổ Đông	13
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thay đổi các quyền	17
Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18

Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 25. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 28. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII.	27
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 30. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty	34
Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị	38
CHƯƠNG VIII.	39
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	39
Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành	39
Điều 39. Người Quản Lý và các nhân sự quản lý khác	41
Điều 40. Thư ký Công Ty	42
CHƯƠNG IX.	42
BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	42
Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát	43
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	44
Điều 44. Cuộc họp Ban Kiểm soát	46
CHƯƠNG X.	46
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	46
Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng	46
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46

Điều 47. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan	47
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49
CHƯƠNG XI.	50
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	50
Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	50
CHƯƠNG XII.	51
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 50. Phân phối lợi nhuận	51
CHƯƠNG XIII.	51
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	51
Điều 51. Tài khoản ngân hàng	51
Điều 52. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều Lệ và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế	52
Điều 53. Năm tài chính	52
Điều 54. Chế độ kế toán	52
Điều 55. Kiểm toán	52
CHƯƠNG XIV.	53
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
Điều 56. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	53
Điều 57. Báo cáo thường niên	53
Điều 58. Trình báo cáo hàng năm	53
Điều 59. Trách nhiệm về công bố thông tin	54
CHƯƠNG XV.	54
CON DẤU	54
Điều 60. Con dấu	54
CHƯƠNG XVI.	54
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	54
Điều 61. Chấm dứt hoạt động	54
Điều 62. Thanh lý	55
CHƯƠNG XVII.	55
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ	55
CHƯƠNG XVIII.	56
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	56
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ	56
CHƯƠNG XIX.	56
NGÀY HIỆU LỰC	56

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT (“Công Ty”), một Công Ty được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Điều Lệ được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công Ty thông qua ngày 27/03/2025 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1 Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:
- (i) **“Vốn Điều Lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 6 Điều Lệ này;
 - (ii) **“Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - (iii) **“Luật Chứng Khoán”** là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - (iv) **“Đại hội đồng cổ đông”** hoặc **“ĐHĐCĐ”** là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty cổ phần, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (cổ đông phổ thông, cổ đông ưu đãi biểu quyết và cổ đông khác theo quy định của Điều lệ công ty.;
 - (v) **“Hội đồng quản trị”** hoặc **“HĐQT”** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - (vi) **“Ban kiểm soát”** hoặc **“BKS”** là cơ quan giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công Ty;
 - (vii) **“Người Quản Lý doanh nghiệp”** là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ này;
 - (viii) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

- (ix) “**Người Có Liên Quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh Nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - (x) “**Thời Gian Hoạt Động**” là thời gian theo quy định tại Điều 2.3 của Điều Lệ này;
 - (xi) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - (xii) “**Công Ty Con**” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công Ty (i) sở hữu trên 50% vốn Điều Lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT và Tổng giám đốc/giám đốc, hoặc (iii) có quyền sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của công ty đó;
 - (xiii) “**Cổ Đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công Ty;
 - (xiv) “**Cổ Đông Lớn**” là cổ đông theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - (xv) “**Cổ Đông Ưu Đãi**” là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần ưu đãi của Công Ty;
 - (xvi) “**Cổ phiếu**” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công Ty;
 - (xvii) “**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**” là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.
 - (xviii) “**Điều Lệ**” là bản Điều Lệ này và các bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty.
- 1.2 Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung Điều Lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công Ty

2.1 Tên Công Ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT**

Tên tiếng Anh: **SAO MAI VIET INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt:

Công Ty là Công Ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- 2.2 Công Ty có thể thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.3 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 Điều Lệ này, Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty sẽ bắt đầu từ ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và là vô thời hạn.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

- 3.1 Công Ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 3.2 Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 3.3 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:
 - (i) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;
 - (ii) Trung thành với lợi ích của Công Ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, Người Có Liên Quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán;
 - (iv) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công Ty là

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng.	0210
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4299
7.	Phá dỡ	4311
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
13.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
14.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

	Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại). Cho thuê cơ sở hạ tầng.	
15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: trừ đấu giá tài sản	6820
16.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý	7020
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng	7320
18.	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ tiếp thị	7310
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thi công trang trí nội, ngoại thất	7410
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230

4.2 Mục tiêu hoạt động của Công Ty

- (i) Phát triển Công Ty thành một Tập đoàn kinh tế đa ngành.
- (ii) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công Ty và các Cổ Đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, quản trị tốt nhất các nguồn lực.
- (iii) Mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước.
- (iv) Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- (v) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 5.1 Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- 5.2 Công Ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông Sáng Lập

- 6.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty là **156.176.320.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng*).
- 6.2 Tổng số vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 15.617.632 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:
- (i) Cổ phần phổ thông: **15.617.632 cổ phần**.
 - (ii) Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.
- 6.3 Công Ty có thể thay đổi vốn Điều Lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại thời điểm thông qua Điều Lệ này, tất cả các hạn chế với cổ phần phổ thông do Cổ Đông Sáng Lập nắm giữ đều được bãi bỏ.
- 6.4 Các loại cổ phần của Công Ty có thể bao gồm:
- (i) Cổ phần phổ thông: người sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ Đông Phổ Thông.
 - (ii) Cổ phần ưu đãi: người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là Cổ Đông Ưu Đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: Cổ phần ưu đãi biểu quyết; Cổ phần ưu đãi cổ tức; Cổ phần ưu đãi hoàn lại; Cổ phần ưu đãi khác.
 - (iii) Cổ phần khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- 6.5 Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.6 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công Ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng đảm bảo điều kiện chào bán số cổ phần đó không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

- 6.7 Công Ty có thể mua lại cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan mà không cần phải thông qua Đại hội cổ đông.
- 6.8 Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông

- 7.1 Cổ Đông của Công Ty được cấp Chứng nhận Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 7.2 Chứng nhận Cổ Phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công Ty và dấu của Công Ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
- 7.3 Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT Công Ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận Cổ Phiếu. Khi Cổ Đông chuyển nhượng một số cổ phần chưa lưu ký trong tổng số cổ phần được quy định trong Chứng nhận Cổ Phiếu thì Chứng nhận Cổ Phiếu cũ sẽ được hủy bỏ và thay thế bằng Chứng nhận Cổ Phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
- 7.4 Trường hợp Chứng nhận Cổ Phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công Ty cấp lại Chứng nhận Cổ Phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung như sau:
- (i) Thông tin về Chứng nhận Cổ Phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (ii) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Chứng nhận Cổ Phiếu mới.
- 7.5 Đối với cổ phiếu đã lưu ký, việc cấp chứng nhận sở hữu cổ phần trong mọi trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật.

- 7.6 Sổ Đăng Ký Cổ Đông ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các Cổ Đông Công Ty có các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh Nghiệp và có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử. Danh sách người sở hữu chứng khoán được đăng ký và lưu trữ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD).
- 7.7 Trường hợp có thay đổi về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông, Chứng nhận cổ phiếu thì Cổ Đông phải có trách nhiệm thông báo cho Công Ty và/hoặc Công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để tiến hành việc điều chỉnh thông tin Cổ Đông trong sổ đăng ký Cổ Đông hoặc danh sách người sở hữu chứng khoán tại VSD. Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác, không đầy đủ cho mục đích liên lạc hoặc gửi thư đó. Việc không thể gửi thư, liên lạc, gửi tài liệu trong trường hợp như trên sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 8. Chứng chỉ Chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công Ty và dấu của Công Ty (nếu có).

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

- 9.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp được quy định tại Điều 9.2 dưới đây và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 9.3 Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi cổ phần đã được thanh toán và thông tin của người nhận chuyển nhượng được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD. Chỉ các Cổ Đông có tên

trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.

- 9.4 Tất cả các cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 9.5 Khi một Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông trở thành Cổ Đông của Công Ty. Trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ Đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.
- 9.6 Khi một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức hoạt động thì mọi quyền và nghĩa vụ liên quan tới cổ phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thanh toán cổ phần

- 10.1 Cổ Đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo thời hạn của Hợp đồng đăng ký mua cổ phần. HĐQT chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát Cổ Đông thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần đã đăng ký mua.
- 10.2 Trường hợp sau thời hạn phải thanh toán theo quy định tại Điều 10.1 Điều Lệ nhưng Cổ Đông chưa thanh toán hoặc thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:
 - (i) Cổ Đông chưa thanh toán cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là Cổ Đông của Công Ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;
 - (ii) Cổ Đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận cổ tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;
 - (iii) Cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT được quyền bán cho người khác;
 - (iv) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Điều 10.1, Công Ty phải đăng ký điều chỉnh vốn Điều Lệ bằng mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ, trừ trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết trong thời hạn này.

- 10.3 Người mua cổ phần sẽ trở thành Cổ Đông của Công Ty kể từ thời điểm đã thanh toán đủ việc mua cổ phần và những thông tin về Cổ Đông quy định tại Điều 7.6 Điều Lệ này được ghi vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông

- 11.1 Cổ Đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHDCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 11.2 Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông quy định tại Điều 11.1 trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp Công Ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- 11.3 Cổ phần sẽ được mua lại theo giá thị trường tại thời điểm đó.
- 11.4 Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể tham vấn một tổ chức thẩm định giá định giá chuyên nghiệp. Giá bán cổ phần của Cổ Đông sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được phê duyệt và kiểm toán của Công Ty. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối thì giá bán sẽ được coi như đã đồng ý. Trường hợp Cổ Đông đó phản đối thì phải gửi văn bản tới Công Ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó, Công Ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá đã được xác định và chấm dứt tất cả các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Công Ty.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Trình tự thực hiện mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty và tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 13.1 Công Ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 11 và 12 nêu trên nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 13.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 và 12 nêu trên được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điều 112.4 của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký giảm vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công Ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 13.3 Chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
- 13.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

CHƯƠNG V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát của Công Ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- 14.1 **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết của Công Ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;
- 14.2 **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông;
- 14.3 **Ban kiểm soát:** là cơ quan giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý điều hành Công Ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- 14.4 **Tổng Giám đốc (Giám đốc):** là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT, BKS và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của Cổ Đông Phổ Thông

15.1 Người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là Cổ Đông Phổ Thông.

15.2 Cổ Đông Phổ Thông có các quyền sau:

- (i) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- (ii) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- (iii) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Công Ty;
- (iv) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật có liên quan;
- (v) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- (vi) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
- (vii) Trường hợp Công Ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;
- (viii) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp được quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp;
- (ix) Các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

15.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền sau:

- (i) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, các trường hợp khác được quy định tại Điều

Lệ này với điều kiện đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp;

- (ii) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
- (iii) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thực hiện bằng văn bản; phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- (iv) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- (v) Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

15.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong Công Ty có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS thực hiện như sau:

- (i) Các Cổ Đông Phổ Thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
- (ii) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS;
- (iii) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các Cổ Đông khác đề cử.

Điều 16. Nghĩa vụ của Cổ Đông

- 16.1 Tuân thủ Điều Lệ Công Ty và các quy chế của Công Ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- 16.2 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua;

- 16.3 Cung cấp địa chỉ liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần bao gồm: họ tên, địa chỉ liên lạc, email;
- 16.4 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 16.5 Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- 16.6 Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện, hình thức khác theo sự hướng dẫn của Công Ty.
- 16.7 Phản hồi các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản khi nhận được từ Công Ty;
- 16.8 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 17.1 ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ như sau:
- (i) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - (ii) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - (iii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS;
 - (iv) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 65% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (v) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - (vi) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - (vii) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - (viii) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông Công Ty;



- (ix) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - (x) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS theo định kỳ hằng năm;
 - (xi) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
 - (xii) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - (xiii) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
- 17.2 ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề sau đây:
- (i) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - (ii) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - (iii) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - (iv) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
 - (v) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS;
 - (vi) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - (vii) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 17.3 Tất cả các nghị quyết và vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 18. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 18.2 HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Thành viên HĐQT, thành viên BKS phải tham dự họp để trả lời các câu hỏi của Cổ Đông tại cuộc họp; trường hợp không tham dự được thì thành viên HĐQT, thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS.
- 18.3 Ngoài cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự cuộc họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- 18.4 HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường trong trường hợp sau đây:

- (i) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- (ii) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- (iii) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ này. Yêu cầu triệu tập phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
- (iv) Theo yêu cầu của BKS;
- (v) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.

18.5 Cách thức triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

- (i) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 18.4 (iii) và (iv).
- (ii) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18.5 (i) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều 21 Điều Lệ.
- (iii) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18.5 (ii) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 15.3 (i) có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều 21 Điều Lệ này.

18.6 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18.4 và Điều 18.5 được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

19.1 Các Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân

khác tham dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 16.6 của Điều Lệ.

19.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền này phải được lập theo mẫu của Công Ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- (i) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- (ii) Trường hợp đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp;
- (iii) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn bản ủy quyền có thể được Cổ Đông gửi tới Công Ty hoặc tại địa điểm nêu trên thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng 48 giờ trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

19.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

20.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện trên 50% số phiếu biểu quyết của Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông Ưu Đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- 20.2 Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số Cổ Đông như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng Cổ Đông yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 20.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều Lệ này.
- 20.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

- 21.1 Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- (i) Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (ii) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - (iii) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - (iv) Chuẩn bị tài liệu cuộc họp;
 - (v) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;
 - (vi) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
 - (vii) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

- 21.2 Thông báo được đến tất cả các Cổ Đông trong Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của các Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập cuộc họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết sẽ được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp thì thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii) Danh sách, thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;
 - (iii) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - (iv) Phiếu biểu quyết;
 - (v) Văn bản ủy quyền tham dự họp theo mẫu hoặc theo quy định pháp luật dân sự.
- 21.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 15.3 của Điều Lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được lập thành văn bản và tuân theo quy định tại Điều 15.3 (iv).
- 21.4 Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền từ chối các kiến nghị tại Điều 21.3 nói trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Điều 15.3 (iv) Điều Lệ;
 - (ii) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ từ đủ 5% cổ phần phổ thông theo quy định Điều 15.3 Điều Lệ;
 - (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (iv) Kiến nghị, theo ý kiến của người triệu tập ĐHĐCĐ, là không phù hợp với mục tiêu đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho Công Ty và đa số các Cổ Đông, không phù hợp với các quy chế tổ chức và hoạt động, văn hóa cốt lõi, định hướng phát triển của Công Ty.
- 21.5 Trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị theo quy định tại Điều 21.4 Điều Lệ thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- 21.6 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại Điều 21.3 Điều Lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 21.4 Điều Lệ; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên 50% tổng số biểu quyết.
- 22.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.1 thì thông báo mời họp lần hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần hai được tiến hành khi Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số biểu quyết.
- 22.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.2 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp.

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Vào ngày tổ chức đại hội cổ đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông.
- 23.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Đại diện ủy quyền của Cổ Đông một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết “tán thành” “không tán thành” “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.
- 23.3 Cổ Đông hoặc Đại diện ủy quyền của Cổ Đông đến dự ĐHĐCĐ sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký và sau đó tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ Đông, Đại diện ủy quyền của Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị thay đổi.
- 23.4 Việc bầu Chủ tọa, Thư ký tại Đại hội:
- (i) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm

- chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành đề ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- (ii) Trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 (i), Người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành đề ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - (iii) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - (iv) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 23.5 Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định thời gian từng vấn đề trong nội dung họp.
- 23.6 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- (i) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (ii) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - (iii) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết.
- 23.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
- (i) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - (ii) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 23.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (ii) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (iii) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- 23.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại Điều 23.8 này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 23.10 Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến, trong đó, một số hoặc tất cả các Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau có thể:
- (i) Nhìn thấy và nghe Chủ tọa cùng những người tham dự khác tại Đại hội phát biểu tại cuộc họp; và
 - (ii) Giao tiếp được với Chủ tọa và các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp hoặc thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng các hình thức áp dụng công nghệ khác.

Địa điểm họp ĐHĐCĐ trong trường hợp này là ở địa điểm nơi Chủ tọa điều hành cuộc họp.

- 23.11 Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức quy định tại Điều 16.6 Điều Lệ.

Điều 24. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 25. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 25.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.3, Điều 25.4 của Điều Lệ này:
- (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 65% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - (vi) Các vấn đề khác do Điều Lệ Công Ty quy định.

- 25.2 Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.3, Điều 25.4 của Điều Lệ này.
- 25.3 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.
- 25.4 Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông Ưu Đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.5 Các nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 26.1 HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 26.2 Thể thức lấy ý kiến bằng văn bản:
HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến. Việc chuẩn bị Danh sách Cổ Đông và gửi Phiếu ý kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 21.1(i) và Điều 21.2 Điều Lệ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông phải ghi rõ nơi đăng tải tài liệu và Phương thức để các Cổ Đông gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty.
- 26.3 Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;

- (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý khác của Cổ Đông là tổ chức; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”;
 - (vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công Ty;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- 26.4 Cổ Đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- (i) Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - (iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 26.5 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (iii) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục Danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
- (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 26.6 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố thông tin bất thường với Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 26.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 26.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;

- (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 27.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 27.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 27.4 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 27.5 Biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 28.1 Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 28.2 Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều Lệ Công Ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 29.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 15.3 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp được quy định tại Điều 28.2 Điều Lệ;
 - (ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.
- 29.2 Trong trường hợp quy định tại Điều 29.1 nêu trên, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực,

trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- 30.1 Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- 30.2 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp trên trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố bao gồm những thông tin:
- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (ii) Trình độ chuyên môn;
 - (iii) Quá trình công tác;
 - (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - (v) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty.

Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 31.1 Số lượng thành viên HĐQT từ 03 đến 11 thành viên với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 2 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên độc lập HĐQT của Công Ty phải đảm bảo như sau:

- (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;
 - (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;
 - (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên;
 - (iv) Tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
- 31.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 31.3 Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 31.1 Điều Lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
- 31.4 Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- 31.5 Thành viên HĐQT bị chấm dứt tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp như sau:
- (i) Đương nhiên bị chấm dứt tư cách thành viên HĐQT kể từ thời điểm phát sinh các sự kiện như sau đây, nếu:
 - a) Thành viên HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ;
 - b) Thành viên HĐQT không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Người Quản Lý theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;
 - c) Các sự kiện khác làm cho thành viên không thể tham gia thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

- (ii) Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt kể từ thời điểm ĐHĐCĐ ban hành nghị Quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên HĐQT có đơn xin từ chức, gửi đến HĐQT và được chấp thuận;
 - b) Không tham hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 31.6 Để tránh ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và vì lợi ích cao nhất của Công Ty và Cổ Đông, khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 31.5(i) thì:
- (i) Thời điểm chấm dứt tư cách thành viên HĐQT là thời điểm HĐQT hoặc Công ty xác định hoặc biết được sự kiện là căn cứ chấm dứt tư cách thành viên như được quy định tại Điều 31.5(i);
 - (ii) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên HĐQT, HĐQT phải công bố công khai thông tin về sự việc trên các phương tiện thông tin đại chúng của Công Ty;
 - (iii) ĐHĐCĐ giao cho HĐQT nhanh chóng tìm kiếm và bầu bổ sung một hoặc nhiều thành viên để thay thế các thành viên HĐQT đã bị khuyết bằng một quyết định của HĐQT nhằm mục đích duy trì các hoạt động ổn định, bình thường của HĐQT và Công Ty;
 - (iv) HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sớm nhất để phê duyệt việc bầu bổ sung thành viên của HĐQT;
 - (v) Thành viên HĐQT được bầu bổ sung có đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp cho đến khi có quyết định phê duyệt của ĐHĐCĐ. Trường hợp thành viên HĐQT được bầu bổ sung không được ĐHĐCĐ phê duyệt thì mọi quyết định, hành động trong thời gian làm việc với tư cách thành viên HĐQT theo quyết định của HĐQT đương nhiên vẫn có hiệu lực thi hành.
- 31.6 HĐQT có trách nhiệm tiến hành các thủ tục hợp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và bầu thành viên mới thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong thời gian sớm nhất.
- 31.7 HĐQT phải triệu tập họp hoặc lấy ý kiến ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 160 Luật Doanh Nghiệp khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- (i) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số thành viên HĐQT đương nhiệm. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc chấp thuận yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ của Cổ Đông/nhóm Cổ Đông đủ điều kiện trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 31.1 của Điều Lệ này.
- 31.8 Khi một thành viên HĐQT chấm dứt tư cách thành viên bất kể lý do hoặc hết nhiệm kỳ hoặc tất cả các thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 31.9 Việc thay đổi các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 32.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 32.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi pháp luật, Điều Lệ Công Ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có những quyền và nghĩa vụ như sau:
- (i) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
 - (ii) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Kiến nghị mức cổ tức được trả hằng năm;
 - (iii) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
 - (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và Người Quản Lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
 - (v) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - (vi) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- (vii) Quyết định huy động thêm vốn theo nhiều hình thức khác tùy thuộc vào bối cảnh và điều kiện, quyết định chào bán chứng khoán không phải là cổ phiếu;
- (viii) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- (ix) Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công Ty;
- (x) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều Lệ này và quyết định mức giá mua lại cổ phần;
- (xi) Quyết định phương án đầu tư, hợp tác kinh doanh trong phạm vi các ngành nghề, kinh doanh của Công Ty, sắp xếp/tổ chức lại tài sản của Công Ty;
- (xii) Quyết định việc mở rộng, thu hẹp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư và các vấn đề khác có liên quan đến các dự án mà Công Ty đang làm chủ đầu tư, phát triển và kinh doanh;
- (xiii) Quyết định đầu tư hoặc quyết định bán tài sản có giá trị dưới 65% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- (xiv) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (xv) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- (xvi) Quyết định việc vay vốn, cho vay vốn và các giao dịch tài chính khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty; Quyết định việc giao kết, thực hiện biện pháp đảm bảo như thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường phát sinh trong quá trình quản lý vận hành, hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (xvii) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan được quy định tại Điều Lệ này và pháp luật có liên quan;
- (xviii) Quyết định việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty, thành lập các công ty con của Công Ty và đưa ra các quyết định quản lý, điều hành, định đoạt tài sản trong chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty con;
- (xix) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần/phần vốn góp trong các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công Ty, ủy quyền tham gia Hội đồng thành

viên hoặc ĐHHĐCĐ ở các doanh nghiệp nêu trên, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó và đưa ra các quyết định quản lý, điều hành, định đoạt phần vốn góp/tài sản theo quy định của pháp luật trong các doanh nghiệp mà Công ty sở hữu vốn;

- (xx) Quyết định việc định giá các tài sản không phải bằng tiền góp vào Công Ty và các tài sản không phải bằng tiền mà Công Ty dùng để góp vốn vào các công ty khác (bao gồm công ty con và các công ty khác) bao gồm nhưng không giới hạn đến vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (xxi) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- (xxii) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;
- (xxiii) Quyết định cơ cấu quản trị điều hành, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (xxiv) Trong phạm vi nội dung được ĐHHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt và hủy bỏ các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHHĐCĐ (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thu tóm Công Ty và liên doanh);
- (xxv) Quyết định tổng số lao động và quỹ lương của Công Ty;
- (xxvi) Các quyền khác theo quy định tại Điều Lệ này và pháp luật có liên quan.

32.3 HĐQT phải báo cáo ĐHHĐCĐ về hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và đảm bảo những nội dung như sau:

- (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 32.5 Điều Lệ này;
- (ii) Tổng kết các cuộc họp HĐQT và quyết định HĐQT;
- (iii) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

32.4 HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người Quản Lý khác để thực hiện một hoặc nhiều trách nhiệm thuộc phạm vi quyền và trách nhiệm của HĐQT khi cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

32.5 Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT:

- (i) Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- (ii) Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT theo các nguyên tắc sau: Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- (iii) Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.
- (iv) Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- (v) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- (vi) Thành viên HĐQT có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.
- (vii) Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty Con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 33.1 HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn một Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết) và được HĐQT chấp thuận.
- 33.2 Chủ tịch HĐQT sẽ không được kiêm Tổng Giám đốc/Giám đốc của Công Ty.

- 33.3 Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (i) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (ii) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - (iii) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - (iv) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - (v) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - (vi) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.
- 33.4 Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ Đông tại ĐHĐCĐ.
- 33.5 Chủ tịch HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp này, HĐQT phải bầu thay thế Chủ tịch HĐQT mới trong số các thành viên HĐQT còn lại.
- 33.6 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 33.7 Trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của Luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 34. Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công Ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Điều 40 Điều Lệ này.

Điều 35. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 35.1 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 35.2 HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
- 35.3 Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
- (i) Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành hoặc ít nhất năm (05) Người Quản Lý khác;
 - (ii) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - (iii) BKS;
 - (iv) Thành viên HĐQT độc lập.
- 35.4 Các cuộc họp HĐQT nêu tại Điều 35.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 35.3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty, người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 35.5 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.
- 35.6 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 35.7 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
- 35.8 Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 35.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận.
- 35.10 Biểu quyết: Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết, trừ trường hợp biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty thì thành viên HĐQT đó không có quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
- 35.11 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 19 Điều Lệ này;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của người triệu tập họp tùy từng thời điểm.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 35.12 HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. Nghị

quyết của HĐQT được ban hành trên cơ sở kết quả biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

35.13 Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

35.14 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

35.15 Nghị quyết của HĐQT được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức khác khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 35.12 và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp. Trong thời gian sớm nhất, các thành viên HĐQT phải bổ sung biên bản họp có đầy đủ chữ ký.

35.16 Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo thủ tục sau:

- (i) Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
- (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong phiếu lấy ý kiến;
- (iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra biên bản kiểm phiếu;
- (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành nghị quyết của HĐQT về vấn đề đã được các thành viên thông qua.

Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

35.17 Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT được 100% số thành viên HĐQT trực tiếp và ủy quyền tham dự là hợp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục

triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện như đúng quy định tại Điều Lệ và pháp luật có liên quan.

- 35.18 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các vấn đề khác khi cần thiết. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT độc lập/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT đề ra. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 35.19 Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và Người Có Liên Quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 36.1 Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên HĐQT khác (nếu thuận tiện), trừ trường hợp quy định tại Điều 36.2 dưới đây.
- 36.2 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 36.1 thì biên bản này có hiệu lực.
- 36.3 Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 36.4 Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 36.5 Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Công Ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng, một Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành

- 38.1 Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 38.2 HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.
- 38.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào

các quy định tại hợp đồng lao động. Nếu nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm.

38.4 Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- (i) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- (ii) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- (iii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- (iv) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (v) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các nhân sự quản lý trong Công Ty khi được sự đồng ý của HĐQT, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- (vi) Thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo chỉ đạo, các nghị quyết của HĐQT, các quy định nội bộ của Công Ty và những thông lệ quản lý tốt nhất;
- (vii) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- (viii) Tuyển dụng lao động; Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- (ix) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả nhân sự quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- (x) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (xi) Trong quý 1 hàng năm, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- (xii) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;

- (xiii) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;
 - (xiv) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và pháp luật;
 - (xv) Ban hành các quy định, nội quy, chính sách, quy chế nội bộ ràng buộc tất cả các nhân viên trong quá trình làm việc tại Công Ty;
 - (xvi) Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó;
 - (xvii) Các quyền hạn và trách nhiệm khác không thuộc quyền hạn và trách nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định tại Điều Lệ này.
- 38.5 Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 38.6 HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 39. Người Quản Lý và các nhân sự quản lý khác

- 39.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng nhân sự quản lý với chức danh, số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu quản lý, hoạt động của Công Ty. Nhân sự quản lý phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 39.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với nhân sự quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành.
- 39.3 Tiền lương của Tổng Giám đốc, nhân sự quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

- 39.4 HĐQT quyết định tổng số lao động và quỹ lương của Công Ty. Tổng Giám đốc trong giới hạn sẽ toàn quyền lựa chọn, tuyển dụng lao động theo các quy định của Công Ty. Đối với những vị trí quan trọng được xác định bởi HĐQT tùy từng thời điểm, Tổng Giám đốc phải được sự đồng ý của HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc ký kết hợp đồng lao động với họ.

Điều 40. Thư ký Công Ty

- 40.1 HĐQT sẽ chỉ định một hay nhiều người làm thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những vấn đề khác theo quyết định của HĐQT và có thể thay thế thư ký Công Ty khi cần. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:

- (i) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT;
- (ii) Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- (iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (iv) Tham dự các cuộc họp, ghi chép các biên bản họp;
- (v) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- (vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;
- (vii) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- (viii) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- (ix) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cổ Đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

- 40.2 Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

- 41.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 15.4 Điều Lệ này.
- 41.2 Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 31.3 của Điều Lệ này.

- 41.3 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát

- 42.1 Số lượng thành viên BKS của Công Ty từ 3 đến 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 42.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (ii) Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liên trước đó.
- 42.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 42.2 nêu trên;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Trường hợp khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 42.4 Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - (iv) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 42.5 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu (mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết) hoặc bầu dồn phiếu (theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và Cổ Đông có quyền dồn hết

hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên), tùy theo quy định cụ thể tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp

42.6 Trưởng BKS do các thành viên BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

42.7 Trưởng BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (i) Triệu tập cuộc họp BKS;
- (ii) Yêu cầu HĐQT, TGD và Người Quản Lý cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS; Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

43.1 BKS các các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- (i) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- (ii) Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;
- (iii) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý khác;
- (iv) Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và Cổ Đông;
- (v) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý của Công Ty, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- (vi) BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- (vii) Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- (viii) Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên và phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;

- b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS (nếu có);
 - c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều Lệ với thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý và những Người Có Liên Quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý là thành viên sáng lập hoặc là Người Quản Lý trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và Người Quản Lý;
 - f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các Cổ Đông.
- (ix) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác;
 - (x) Có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;
 - (xi) Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh Nghiệp và quy định tại Điều Lệ này;
 - (xii) Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp và pháp luật có liên quan.

43.2 Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên BKS:

- (i) Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
- (ii) Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- (iii) Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy

định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 44. Cuộc họp Ban Kiểm soát

- 44.1 BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
- 44.2 BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người Quản Lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 46.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 46.2 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

- 46.3 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 47. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan

- 47.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 47.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 47.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 47.4 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 47.5 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 47.6 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng (bao gồm cả bảo lãnh, sử dụng tài sản để đảm bảo khoản vay), giao dịch theo quy định mục 1 khoản 47.6 này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a) Hợp đồng (bao gồm cả bảo lãnh, sử dụng tài sản để đảm bảo khoản vay), giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại mục 2 khoản 47.6 này;
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục 3 khoản 47.6 này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

48.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

48.2 Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- (i) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;
- (ii) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

48.3 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công

Ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI.

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

49.1 Phù hợp với các quy định tại Điều Lệ này, Cổ Đông Phổ Thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ với yêu cầu bằng văn bản gửi đến trước ít nhất ba (03) ngày trước ngày dự kiến tra cứu. Việc tra cứu phải trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty với phạm vi tra cứu như sau:

- (i) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- (ii) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
- (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

49.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp, có công chứng.

49.3 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác có quyền tra cứu Sổ Đăng Ký Cổ Đông, danh sách Cổ Đông, sổ sách và các hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật

49.4 Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

49.5 Điều Lệ Công Ty và các bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ phải được công bố trên website của Công Ty.

CHƯƠNG XII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50. Phân phối lợi nhuận

- 50.1 ĐHĐCD quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- 50.2 Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 50.3 HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCD thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 50.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 50.5 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 50.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và nghị quyết của ĐHĐCD tại từng thời điểm.

CHƯƠNG XIII.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

- 51.1 Công Ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 51.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

51.3 Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 52. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều Lệ và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ, mức trích do ĐHĐCĐ quyết định bao gồm:

- (i) Quỹ dự phòng tài chính;
- (ii) Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi;
- (iii) Quỹ HDQT;
- (iv) Quỹ khuyến khích sản xuất và khuyến mãi khách hàng: Dùng để khen thưởng, khuyến mãi cho những cơ quan, cá nhân trong và ngoài Công Ty có nhiều đóng góp cho Công Ty.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 54. Chế độ kế toán

- 54.1 Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào được cơ quan có thẩm quyền ban hành và chấp thuận.
- 54.2 Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 54.3 Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 55. Kiểm toán

- 55.1 ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
- 55.2 Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.

- 55.3 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

- 56.1 Công Ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều Lệ này.
- 56.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp để phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính tính đến thời điểm lập báo cáo.
- 56.3 Công Ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 56.4 Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 58. Trình báo cáo hằng năm

- 58.1 Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
- (i) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - (ii) Báo cáo tài chính;
 - (iii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - (iv) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
- 58.2 Báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty phải được kiểm toán trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

- 58.3 Báo cáo quy định tại các Điều 58.1 (i), (ii) và (iii) phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 58.4 Các Báo cáo quy định tại Điều 58.1 và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 59. Trách nhiệm về công bố thông tin

- 59.1 Công Ty có trách nhiệm và nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ Đông và nhà đầu tư.
- 59.2 Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán nhằm đảm bảo Cổ Đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu.

CHƯƠNG XV.

CON DẤU

Điều 60. Con dấu

- 60.1 HĐQT sẽ quyết định số lượng con dấu, mẫu dấu, kích thước con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 60.2 HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định Quy chế nội bộ của Công Ty về việc sử dụng con dấu và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XVI.

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 61. Chấm dứt hoạt động

- 61.1 Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- (i) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - (ii) Tòa án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - (iii) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- 61.2 Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 62. Thanh lý

- 62.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
- 62.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 62.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- (i) Các chi phí thanh lý;
 - (ii) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - (iii) Thuế và các khoản nộp cho nhà nước;
 - (iv) Các khoản vay (nếu có);
 - (v) Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - (vi) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến mục (v) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 63.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa :
- (i) Cổ Đông với Công Ty;

- (ii) Cổ Đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc điều hành hay Người Quản Lý, nhân sự quản lý của Công Ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 63.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC).
- 63.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí tố tụng được thực hiện theo phán quyết của VIAC.

CHƯƠNG XVIII.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

- 64.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Trong trường hợp có các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG XIX.

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

- 65.1 Bản Điều Lệ này gồm XIX chương 65 điều, được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT nhất trí thông qua ngày 27 tháng 03 năm 2025 tại TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.

- 65.2 Điều Lệ được lập thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính Công Ty.
- 65.3 Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.
- 65.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SAO MAI VIỆT

Người diện theo pháp luật



VŨ THỊ NHƯ MAI